

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Số: *217* /VACOHP/BCKT

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được lập ngày 08/08/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt là 139.835.447.934 đồng (01/01/2014 là 145.835.447.934 đồng). Tại thời điểm lập Báo cáo này, Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và khả năng thu lợi nhuận của khoản đầu tư này tùy thuộc vào tình hình tài chính và hoạt động của Hưng Việt trong tương lai. Cổ đông lớn của Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt cam kết chịu trách nhiệm trong việc thu hồi khoản đầu tư trên bằng tài sản cá nhân.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Lương Thị Thúy
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1148-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG
Ngày 08 tháng 08 năm 2014
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam



Đỗ Bình Dương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1953-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		440.061.901.041	481.772.633.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.037.205.707	177.402.247.656
1. Tiền	111		29.037.205.707	177.402.247.656
II. Phải thu ngắn hạn	130		237.750.383.256	174.304.167.251
1. Phải thu khách hàng	131		1.642.800.000	1.881.500.000
2. Trả trước cho người bán	132	5	91.049.269.302	23.900.434.297
3. Các khoản phải thu khác	135	6	145.058.313.954	148.522.232.954
III. Hàng tồn kho	140	7	164.943.276.579	128.012.064.615
1. Hàng tồn kho	141		164.943.276.579	128.012.064.615
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.331.035.499	2.054.154.269
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	220.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.974.827.097	888.491.407
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	8	5.356.208.402	945.662.862
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+250+260)	200		303.380.097.292	197.715.404.093
I. Tài sản cố định	220		1.326.846.481	3.473.526.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.326.846.481	3.473.526.784
- Nguyên giá	222		1.783.156.798	4.757.229.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(456.310.317)	(1.283.702.741)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		301.975.347.386	193.427.347.386
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	260.000.000.000	160.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	43.077.347.386	33.427.347.386
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.102.000.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		77.903.425	814.529.923
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		77.903.425	814.529.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		743.441.998.333	679.488.037.884

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		217.765.062.568	182.322.218.755
I. Nợ ngắn hạn	310		217.765.062.568	182.322.218.755
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	14.618.968.200	-
2. Phải trả người bán	312	13	132.786.289.120	116.076.838.550
3. Người mua trả tiền trước	313	14	13.403.419.132	8.259.554.610
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		21.026.978	63.466.457
5. Chi phí phải trả	316		-	982.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	48.417.055.856	48.417.055.856
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.518.303.282	8.523.303.282
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		525.676.935.765	497.165.819.129
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	525.676.935.765	497.165.819.129
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		382.499.480.000	382.499.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.270.000.000	14.270.000.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413		7.597.100.000	3.494.600.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	5.183.151.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		116.127.204.765	91.718.588.129
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		743.441.998.333	679.488.037.884

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

	30/06/2014	01/01/2014
- USD	571,74	462,39
- CNY	104.400	-



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huyền Trang
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	323.350.346.302	238.558.647.611
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		323.350.346.302	238.558.647.611
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	284.999.192.740	191.479.465.208
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.351.153.562	47.079.182.403
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	130.799.299	557.066.306
6. Chi phí tài chính	22	20	3.504.705.908	3.807.598.162
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.708.448	-
7. Chi phí bán hàng	24		2.599.411.356	1.258.062.998
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp (30=20+(21-22)-(24+25))	25 30		3.499.850.914 28.877.984.683	2.239.502.022 40.331.085.527
9. Thu nhập khác	31		2.000.000.000	-
10. Chi phí khác	32		2.338.092.201	-
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		(338.092.201)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.539.892.482	40.331.085.527
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	28.775.846	139.266.577
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		28.511.116.636	40.191.818.950
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	745	1.525



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huyền Trang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.539.892.482	40.331.085.527
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	211.467.702	235.903.643
Các khoản dự phòng	03	1.102.000.000	391.783.339
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.663.925.930	3.308.767.689
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	129.557.902	(557.066.306)
Chi phí lãi vay	06	100.708.448	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.747.552.464	43.710.473.892
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(69.865.362.235)	(49.289.288.958)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36.931.211.964)	(71.111.420.123)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19.207.389.162	184.225.565.908
Thay đổi chi phí trả trước	12	553.746.898	29.207.256
Tiền lãi vay đã trả	13	(100.708.448)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(71.215.325)	(3.750.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.000.000)	(123.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.464.809.448)	107.437.787.975
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(1.439.940.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	2.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.650.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(105.500.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	114.989.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.799.299	557.066.306
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107.519.200.701)	8.606.126.306
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	44.933.960.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.618.968.200	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.618.968.200	44.933.960.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(148.365.041.949)	160.977.874.281
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	177.402.247.656	40.939.228.027
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	29.037.205.707	201.917.102.308



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huyền Trang
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012, thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 là: 382.499.480.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 30/06/2014 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp tại 30/6/2014 (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	18.011.660	180.116.600.000	47,09
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	8.049.375	80.493.750.000	21,04
3	Cổ đông khác	12.188.913	121.889.130.000	31,87
	Cộng	38.249.948	382.499.480.000	100,00

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 23 người (01 tháng 01 năm 2014: 20 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh thương mại hàng hóa là ô tô con, ô tô tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ hoạt động

Kỳ hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo bán niên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt do cùng chịu sự kiểm soát của các cổ đông chính.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.
- Các công ty liên kết gồm: Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Thành Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp.
- Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ (theo đăng ký) Công ty TNHH Prukca Việt Nam và thực hiện các phần giai đoạn tiền đầu tư, do đó Công ty TNHH Prukca Việt Nam là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 30/06/2014 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập khi công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ. Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị các khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc của các khoản đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.302.766.288	176.231.268
Tiền gửi ngân hàng	27.734.439.419	177.226.016.388
Cộng	29.037.205.707	177.402.247.656

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư DV tài chính Hoàng Huy (*)	1.412.851.305	23.303.484.297
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Giang (**)	70.000.000.000	-
Global Trader LLC	18.031.368.000	-
Các đối tượng khác	1.605.049.997	596.950.000
Cộng	91.049.269.302	23.900.434.297

(*) Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy để mua thùng xe tải.

(**) Công ty ứng trước tiền hàng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Giang theo hợp đồng ủy thác nhập khẩu xe ô tô tải các loại để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí của dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	5.145.131.020	2.686.785.020
Khoản phải thu Công ty cổ phần Thương mại Hưng Việt (**)	139.835.447.934	145.835.447.934
Lãi tiền vay phải thu	77.735.000	-
Cộng	145.058.313.954	148.522.232.954

(*) Phản ánh các khoản Công ty đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng trong Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International (xem thuyết minh số 24 dưới đây).

(**) Phản ánh khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt với số tiền tại 30/6/2014 là 139.835.447.934 (tại 01/01/2014 là 145.835.447.934 đồng) là một phần số tiền đã góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD ngày 01/01/2012 với Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/NQĐHCD ngày 05/02/2013, đại hội đã thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, Công ty xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt được thành lập ngày 21/7/2006 và đang quản lý Dự án "Xây dựng và kinh doanh Trung tâm thương mại - Dịch vụ, nhà ở Golden - Land Building". Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty cùng chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ là cổ đông lớn của hai Công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 24/5/2014 thông qua việc thực hiện chuyển đổi tối đa 76.800.000.000 đồng từ vốn hợp tác kinh doanh nêu trên thành vốn đầu tư mua cổ phần/góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương Mại Hưng Việt thông qua việc thực hiện đầu tư hoặc mua cổ phần từ cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu dự kiến là 21,8%. Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty chưa thực hiện việc chuyển đổi.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	63.509.375.825	53.115.983.834
Hàng hoá	38.128.755.204	13.294.936.125
Hàng gửi đi bán	63.305.145.550	61.601.144.656
Cộng giá gốc hàng tồn kho	164.943.276.579	128.012.064.615
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	164.943.276.579	128.012.064.615

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế nhập khẩu nộp thừa	4.356.208.402	945.662.862
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	1.000.000.000	-
Cộng	5.356.208.402	945.662.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2014	4.524.912.727	232.316.798	4.757.229.525
Thanh lý, nhượng bán	(2.974.072.727)	-	(2.974.072.727)
Tại 30/06/2014	1.550.840.000	232.316.798	1.783.156.798
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2014	1.117.041.443	166.661.298	1.283.702.741
Khấu hao trong kỳ	188.236.020	23.231.682	211.467.702
Thanh lý, nhượng bán	(1.038.860.126)	-	(1.038.860.126)
Tại 30/06/2014	266.417.337	189.892.980	456.310.317
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	3.407.871.284	65.655.500	3.473.526.784
Tại 30/06/2014	1.284.422.663	42.423.818	1.326.846.481

10. ĐẦU TƯ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

a. Chi tiết vốn góp vào từng công ty liên kết:

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (*)	100.000.000.000	-
Cộng	260.000.000.000	160.000.000.000

(*) Theo nghị quyết số 11/QĐHĐQT ngày 24/6/2014, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư góp vốn 100 tỷ đồng (chiếm 45,45% vốn điều lệ) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (tổng số vốn điều lệ dự kiến là 220 tỷ đồng). Đến ngày 30/06/2014, Công ty đã hoàn thành việc góp đủ 100 tỷ đồng vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp.

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Góp vốn vào Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, quốc lộ 5, xã Nam Sơn, An Dương, thành phố Hải Phòng	40,00%	40,00%	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	40,00%	40,00%	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Việt Chánh, Phường 19, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45%	45,45%	Kinh doanh ô tô và bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau (tiếp theo):

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	337.862.195.848	99.998.500.000
Tổng công nợ	135.095.709.376	4.500.000
Tài sản thuần	202.766.486.472	99.994.000.000
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	81.106.594.589	39.997.600.000
Doanh thu	151.836.363.647	-
Lợi nhuận thuần	2.772.486.472	(6.000.000)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.108.994.589	(2.400.000)

(Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 do Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang lập)

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	199.997.640.083	199.998.000.000
Tổng công nợ	-	-
Tài sản thuần	199.997.640.083	199.998.000.000
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	79.999.056.033	79.999.200.000
Doanh thu	-	-
Lợi nhuận thuần	(359.917)	-
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(143.967)	-

(Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 do Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Thành Nam lập)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp:

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cùng kỳ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, dựa trên tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp, khoản đầu tư mới phát sinh (tháng 6/2014) và chưa bị giảm giá và chưa cần xem xét trích lập dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (*)	33.427.347.386	33.427.347.386
Tiền gửi trên 12 tháng tại Ngân hàng Liên Việt	9.650.000.000	-
Cộng	43.077.347.386	33.427.347.386

(*) Đầu tư dài hạn khác phản ánh phần vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/01/2013 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Pruksa là 205.800.000.000 VND, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp chiếm 15% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2014, hai bên liên doanh đang thảo luận để thay đổi tỷ lệ vốn góp của các bên trong liên doanh.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	14.618.968.200	-
Cộng	14.618.968.200	-

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HAP.DN.278.211113 ngày 29/11/2013 hạn mức 167 tỷ đồng, thời hạn vay đối với từng món vay không quá 06 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cá nhân là cổ đông lớn của Công ty.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Dongfeng Motor	132.777.489.120	115.817.314.400
Các đối tượng khác	8.800.000	259.524.150
Cộng	132.786.289.120	116.076.838.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
DNTN thương mại Quốc Tú	2.210.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Trường Vinh Hino	1.490.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần ô tô Huy Hoàng Hải Dương	1.125.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Phước Lộc	1.040.000.000	-
Công ty TNHH thương mại Hồng Sơn Star	786.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần ô tô Tuấn Nam Trang	530.000.000	230.000.000
Công ty CP thương mại ô tô Long Biên	500.000.000	-
Công ty TNHH Thái Hòa	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Trường Long Auto	450.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Thiên Phú	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH TM vận tải Bình Minh	310.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV TM tổng hợp Hùng Phượng	300.000.000	350.000.000
Công ty TNHH TM&DV Hoàng Long Hải	250.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Nhân Lực	250.000.000	905.000.000
Công ty Cổ phần Việt Cường Phát	-	600.000.000
Các đối tượng khác	3.312.419.132	2.574.554.610
Cộng	13.403.419.132	4.180.000.000

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Prukca International (*)	47.092.108.000	47.092.108.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (**)	1.173.035.856	1.173.035.856
Khoản phải trả khác	151.912.000	151.912.000
Cộng	48.417.055.856	48.417.055.856

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Prukca International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.092.108.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

(**) Phản ánh số tiền còn lại do Công ty TNHH Prukca Việt Nam chuyển tiền để hoàn chi phí thực hiện dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	224.999.810.000	14.336.000.000	-	-	5.183.151.000	125.663.055.382	370.182.016.382	44.999.960.000	
Tăng vốn trong năm	44.999.960.000	-	-	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	112.499.710.000	-	-	-	-	-	(112.499.710.000)	-	
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	3.494.600.000	-	-	(3.494.600.000)	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	82.049.842.747	82.049.842.747	
Giảm khác	-	(66.000.000)	-	-	-	-	-	(66.000.000)	
Tại ngày 31/12/2013	382.499.480.000	14.270.000.000	-	3.494.600.000	5.183.151.000	91.718.588.129	497.165.819.129	28.511.116.636	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	28.511.116.636	28.511.116.636	
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	4.102.500.000	-	-	(4.102.500.000)	-	
Tại ngày 30/6/2014	382.499.480.000	14.270.000.000	-	7.597.100.000	5.183.151.000	116.127.204.765	525.676.935.765	28.511.116.636	

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/5/2014 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2014, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 4.102.500.000 đồng, trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng 20% , Công ty đang trong quá trình làm hồ sơ hoàn thiện việc chia cổ phiếu thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

	Vốn đã góp tại 30/6/2014		Vốn đã góp tại 01/01/2014	
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	180.116.600.000	47,09%	182.250.000.000	47,65%
Ông Đỗ Hữu Hậu	80.493.750.000	21,04%	53.662.500.000	14,03%
Cổ đông khác	121.889.130.000	31,87%	146.586.980.000	38,32%
Cộng	382.499.480.000	100%	382.499.480.000	100%

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	321.847.799.268	237.793.816.806
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.502.547.034	764.830.805
Cộng	323.350.346.302	238.558.647.611

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	283.882.628.093	190.940.419.795
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.116.564.647	539.045.413
Cộng	284.999.192.740	191.479.465.208

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	53.064.299	320.809.184
Lãi cho vay vốn	77.735.000	236.257.122
Cộng	130.799.299	557.066.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	100.708.448	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	638.071.530	498.830.473
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.663.925.930	3.308.767.689
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.102.000.000	-
Cộng	3.504.705.908	3.807.598.162

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	28.539.892.482	40.331.085.527
Hoạt động kinh doanh chính	28.409.093.183	39.774.019.221
Hoạt động khác	130.799.299	557.066.306
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	28.539.892.482	40.331.085.527
Hoạt động kinh doanh chính	28.409.093.183	39.774.019.221
Hoạt động khác	130.799.299	557.066.306
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.278.776.346	10.082.771.382
Hoạt động kinh doanh chính	6.250.000.500	9.943.504.805
Hoạt động khác	28.775.846	139.266.577
Miễn, giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.250.000.500)	(9.943.504.805)
Miễn thuế theo ưu đãi của hoạt động chính (*)	(6.250.000.500)	(9.943.504.805)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.775.846	139.266.577

(*) Công ty áp dụng miễn thuế cho hoạt động kinh doanh chính theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu bình quân đã phát hành đầu kỳ	38.249.948	14.588.889
Ảnh hưởng của cổ phiếu tăng trong kỳ	-	11.772.070
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	38.249.948	26.360.959

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	28.511.116.636	40.191.818.950
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông	38.249.948	26.360.959
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	745	1.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	745	1.525

Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.249.948	38.249.948
+ Cổ phiếu phổ thông	38.249.948	38.249.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.249.948	38.249.948
+ Cổ phiếu phổ thông	38.249.948	38.249.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần				
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	132.860.913.633	128.696.177.271	59.930.272.728	321.487.363.632
- Doanh thu khác	1.862.982.670	-	-	1.862.982.670
2. Giá vốn				
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	115.678.775.976	113.553.719.060	54.345.195.020	283.577.690.056
- Giá vốn hoạt động khác	1.421.502.684	-	-	1.421.502.684
3. Lợi nhuận gộp				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	17.182.137.657	15.142.458.211	5.585.077.708	37.909.673.576
- Hoạt động khác	441.479.986	-	-	441.479.986
4. Lợi nhuận trước thuế				
- Bán hàng hóa, thành phẩm	11.353.186.366	11.424.943.800	5.320.282.331	28.098.412.496
- Hoạt động khác	441.479.986	-	-	441.479.986

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukسا International thành lập Công ty TNHH Prukسا Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư đăng ký của Công ty TNHH Prukسا Việt Nam lần lượt là 10.000.000 USD và 40.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Prukسا International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02 tháng 01 năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 thành lập Công ty TNHH Prukسا Việt Nam. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Prukسا là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty TNHH Prukسا International góp 8.500.000 USD, chiếm 85% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp 1.500.000 USD, chiếm 15% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2014, Công ty đã góp 33.427.347.386 đồng, chiếm 31% tổng vốn thực góp vào Công ty TNHH Prukسا Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL (Tiếp theo)

Chi tiết thông tin tài chính liên quan đến dự án liên doanh, chi phí thực hiện và nguồn vốn thực hiện đang được Công ty trình bày trên báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2014 của Công ty như sau:

	<u>01/01/2014</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>30/06/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1. Nhận giữ hộ vốn góp của đối tác trong liên doanh (Thuyết minh số 15)	47.092.108.000	-	-	47.092.108.000
2. Chi phí dự án đã thực hiện chưa bàn giao (Thuyết minh số 06)	2.686.785.020	2.458.346.000	-	5.145.131.020

Trong kỳ, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục bàn giao chứng từ kế toán phân giá trị đã thực hiện của dự án nên chưa thực hiện bù trừ số tiền Công ty đã nhận từ Công ty TNHH Prukسا Việt Nam và Công ty TNHH Prukسا International để thực hiện dự án.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	14.618.968.200	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(29.037.205.707)	(177.402.247.656)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	525.676.935.765	497.165.819.129
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.037.205.707	177.402.247.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.701.113.954	150.403.732.954
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	301.975.347.386	193.427.347.386
Các khoản ký quỹ	-	-
Tổng cộng	477.713.667.047	521.233.327.996
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	14.618.968.200	-
Phải trả người bán và phải trả khác	181.203.344.976	164.493.894.406
Chi phí phải trả	-	982.000.000
Tổng cộng	195.822.313.176	165.475.894.406

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	571,74	462,39	8.497.320,00	7.755.180,00
Trương đương VND	11.848.345	9.997.006	179.869.597.120	162.909.422.400

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
30/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.037.205.707	-	29.037.205.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.701.113.954	-	146.701.113.954
Đầu tư tài chính dài hạn	-	301.975.347.386	301.975.347.386
Tổng cộng	175.738.319.661	301.975.347.386	477.713.667.047
30/06/2014			
Các khoản vay	14.618.968.200	-	14.618.968.200
Phải trả người bán và phải trả khác	181.203.344.976	-	181.203.344.976
Tổng cộng	195.822.313.176	-	195.822.313.176
Chênh lệch thanh khoản thuần	(20.083.993.515)	301.975.347.386	281.891.353.871

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.402.247.656	-	177.402.247.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	150.403.732.954	-	150.403.732.954
Đầu tư tài chính dài hạn	-	193.427.347.386	193.427.347.386
Tổng cộng	327.805.980.610	193.427.347.386	521.233.327.996
01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	164.493.894.406	-	164.493.894.406
Tổng cộng	164.493.894.406	-	164.493.894.406
Chênh lệch thanh khoản thuần	163.312.086.204	193.427.347.386	356.739.433.590

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	286.314.319.560	190.953.225.208
Chi phí nhân công	1.127.160.000	526.240.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.467.702	235.903.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	3.445.507.748	3.261.661.377
Cộng	291.098.455.010	194.977.030.228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Cùng bị kiểm soát bởi cổ đông chính		
Mua hàng hoá, dịch vụ		21.890.632.992	34.707.789.514
Cho vay ngắn hạn		-	53.000.000.000
Thu nhập từ lãi cho vay		-	232.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Cùng bị kiểm soát bởi cổ đông chính		
Thu nhập từ lãi giao dịch phát sinh		77.735.000	-
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết		
Ứng trước tiền hàng hóa, dịch vụ		70.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết		
Góp vốn cổ phần		100.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan:

		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Cùng bị kiểm soát bởi cổ đông chính		
Ứng trước tiền mua hàng		1.412.851.305	23.303.484.297
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Cùng bị kiểm soát bởi cổ đông chính		
Phải thu khác		139.835.447.934	145.835.447.934
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết		
Ứng trước tiền hàng hóa, dịch vụ		70.000.000.000	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	200.720.000	90.600.000
Cộng	200.720.000	90.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NGÀY LẬP BÁO CÁO

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.


29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2014


Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Huyền Trang
Người lập